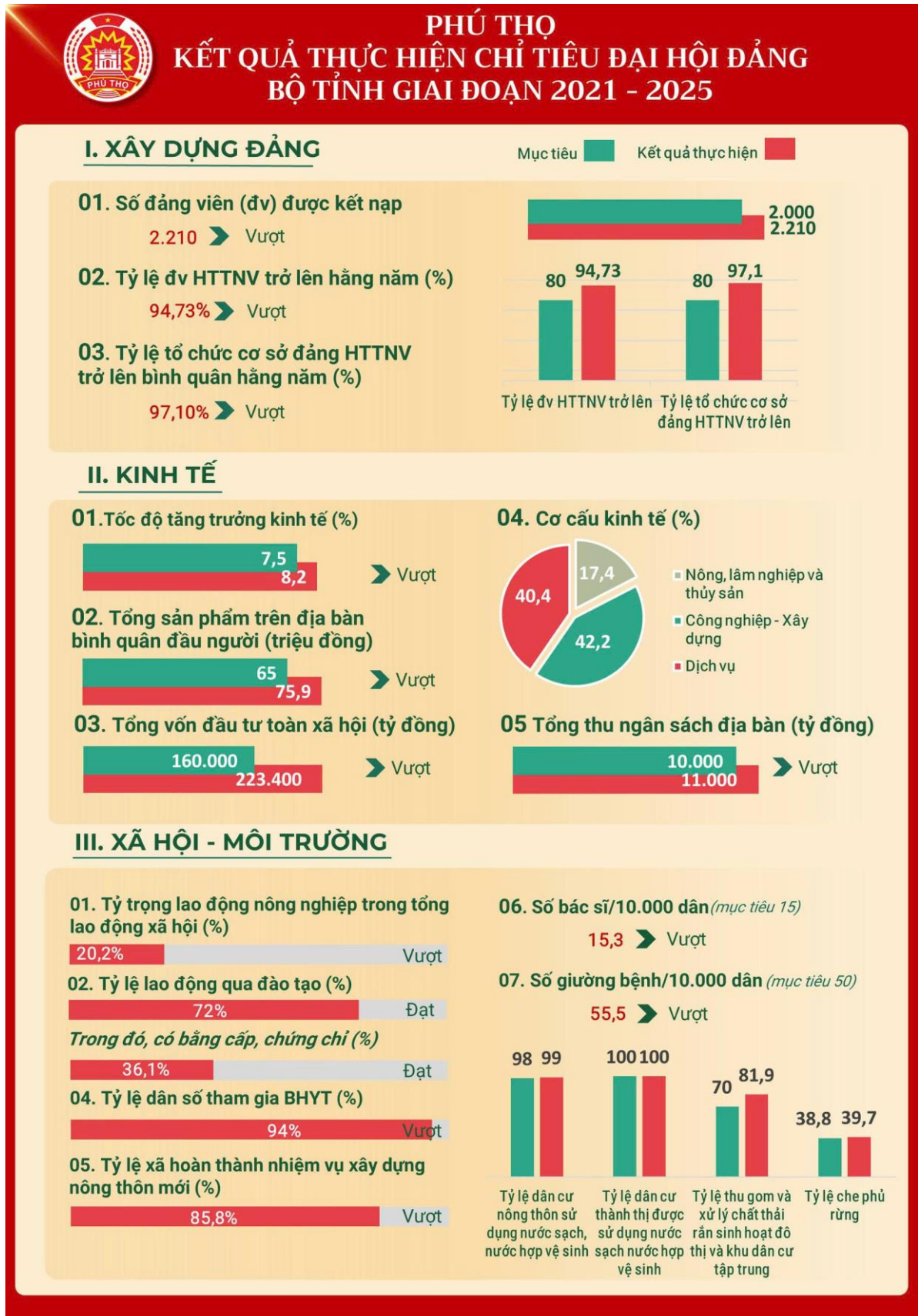


PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI
BIỂU ĐẢNG BỘ CÁC TỈNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025 TRƯỚC KHI HỢP NHẤT





VĨNH PHÚC

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐẠI HỘI ĐẢNG

BỘ TỈNH GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

I. XÂY DỰNG ĐẢNG

Mục tiêu ■ Kết quả thực hiện ■

01. Số đảng viên (đv) được kết nạp

2.240 ➤ Vượt



02. Tỷ lệ đv HTTNV trở lên hằng năm (%)

86,0% ➤ Vượt



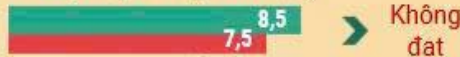
03. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng HTTNV trở lên bình quân hằng năm (%)

92,0% ➤ Vượt



II. KINH TẾ

01. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)



02. GRPD bình quân đầu người (triệu đồng)



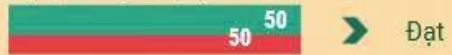
03. Thu hút vốn đầu tư FDI 5 năm (tỷ USD)



04. Tổng VĐT thực hiện/GRDP (%)



05. Tỷ lệ đô thị hóa (%)



06. Cơ cấu kinh tế (%)



07. Tốc độ tăng thu ngân sách BQ (%)

08. Tốc độ tăng NSLD BQ (%)

III. XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

Chỉ tiêu	KQTH	Đánh giá
01. Tạo việc làm tăng thêm hằng năm (mục tiêu: 16.000 - 17.000 việc làm)	20.800	Vượt
02. Thu nhập bình quân của người LĐ tại các DN so với mức lương tối thiểu vùng (mục tiêu: 2 lần)	2,76	Vượt
03. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới (mục tiêu: < 1%)	0,4	Vượt
04. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (mục tiêu: 82%)	82	Vượt
05. Số bác sỹ/vận dân đến năm 2025 (mục tiêu: 15 bác sỹ)	16,3	Vượt
06. Số giường bệnh/vận dân đến năm 2025 (mục tiêu: 52 giường)	52	Vượt
07. Số giường bệnh/vận dân đến năm 2025 (mục tiêu: > 95%)	96,1	Vượt
08. Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao đến năm 2025 (mục tiêu: >10%)	11,76	Vượt

09. Tỷ lệ TTHC đáp ứng yêu cầu được triển khai DVCTT mức độ 4 (%)

100% ➤ Vượt

10. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường ở đô thị (%)

98% ➤ Vượt

11. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung (%)

85% ➤ Vượt

12. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn 02/BHYT (%)

85% ➤ Vượt

13. Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn (%)

50% ➤ Vượt

14. Tỷ lệ che phủ rừng (%)

52% ➤ Vượt



HÒA BÌNH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. XÂY DỰNG ĐẢNG

01. Số đảng viên (đv) được kết nạp

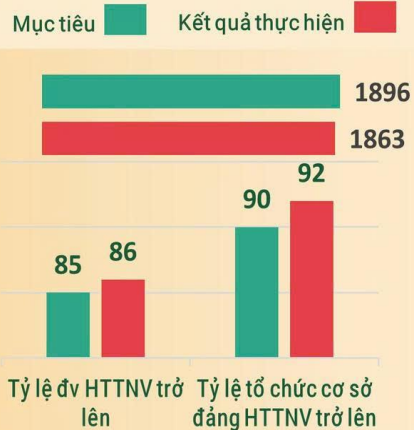
1.863 ➔ Không đạt

02. Tỷ lệ đv HTTNV trở lên hằng năm (%)

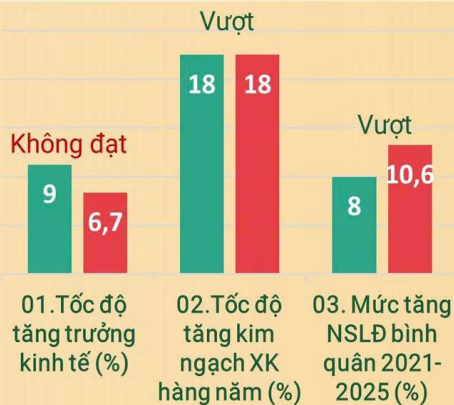
86% ➔ Vượt

03. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng HTTNV trở lên bình quân hằng năm (%)

92% ➔ Vượt



II. KINH TẾ



04. GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)

(mục tiêu 100 triệu đ/năm), KQTH: 90 ➔ Không đạt

05. Thu NSNN đến năm 2025 (tỷ đồng)

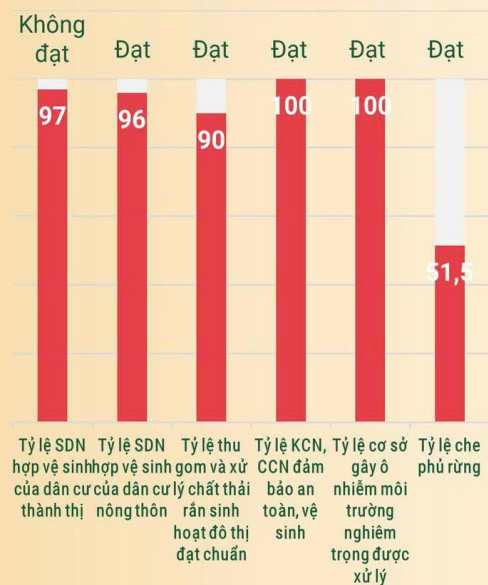
(mục tiêu 10.000 tỷ đ), KQTH: 8.500 ➔ Không đạt

06. Tỷ lệ đô thị hóa (%)

(mục tiêu >38%), KQTH: 38% ➔ Đạt

III. XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

Chỉ tiêu	KQTH	Đánh giá
01. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân (%) (mục tiêu 2,5-3%)	2,5%	Đạt
02. Tỷ lệ lao động NN trong tổng LĐXH đến năm 2025 (%) (mục tiêu <48%)	48%	Đạt
03. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 (%) (mục tiêu >63%),	64,5%	Vượt
04. Số bác sỹ/vận dân đến năm 2025 (bác sỹ) (mục tiêu 10 bác sỹ)	10 bác sỹ	Vượt
05. Số giường bệnh/vận dân đến năm 2025 (giường) (mục tiêu 30 giường)	30 giường	Đạt
06. Tỷ lệ bao phủ BHYT đến năm 2025 (%) (mục tiêu >95%)	95,3%	Đạt
07. Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM đến năm 2025 (%) (mục tiêu >70%)	70,54%	Đạt
08. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đến năm 2025 (%) (mục tiêu >59%)	61%	Đạt



PHỤ LỤC II

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

- (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 10,5% trở lên. Quy mô tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn bình quân đầu người đạt 190- 200 triệu đồng, gấp gần 2 lần so với năm 2025.
- (2) Đóng góp của nhân tố TFP vào tăng trưởng năm 2030 từ 55-60%; đóng góp của kinh tế số đạt từ 30% GRDP trở lên.
- (3) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 9%/năm.
- (4) Tổng vốn đầu tư thực hiện trong 5 năm đạt trên 910.000 tỷ đồng.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân trên 10%/năm, đến năm 2030 đạt trên 80.000 tỷ đồng.
- (6) Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 trên 45.000 doanh nghiệp. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân khu vực kinh tế tư nhân đạt 12% trở lên.
- (7) Tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 35% trở lên. Hoàn thành chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội”.
- (8) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 77%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng, chứng chỉ, chứng nhận đạt 40%.
- (9) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 87%.
- (10) Số bác sĩ/1 vạn dân đạt 16 bác sĩ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 50 giường bệnh. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 95,5%.
- (11) Phân đầu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).
- (12) Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt từ 0,75 trở lên; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%.
- (13) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 80%, trong đó số xã nông thôn mới nâng cao đạt 35% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- (14) Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%. Cơ bản dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn.
- (15) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị đạt 100% và khu vực nông thôn đạt 85%.
- (16) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%. Tỷ lệ chất thải nguy hại (gồm chất thải y tế) được thu gom, xử lý theo quy định 100%.
- (17) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 42,5%.
- (18) Tỷ lệ tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt trên 90%.
- (19) Tỷ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt trên 90%.
- (20) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Đến năm 2030 không còn là địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội.

PHỤ LỤC III
DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NGHỊ QUYẾT, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM
GIAI ĐOẠN 2026-2030

STT	Tên chương trình, Đề án	Cơ quan báo cáo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường công tác lãnh đạo cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	
2	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường công tác lãnh đạo phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; trọng tâm là hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch, hạ tầng số.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng	
3	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	
4	Nghị quyết của BCH về phát triển giáo dục tỉnh Phú Thọ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	
5	Nghị quyết của BCH về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế	
6	Nghị quyết của BCH về phát triển văn hóa, con người; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
7	Nghị quyết của BTV về lãnh đạo thực hiện các biện pháp đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Đề án phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu công nghiệp công nghệ cao.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công thương/Ban Quản lý các KCN	
9	Đề án xây dựng Khu thương mại tự do (FTZ)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công thương	
10	Đề án phát triển Phú Thọ trở thành trung tâm logistics trong vùng	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công thương	
11	Đề án phát triển nhà ở tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng	
12	Đề án phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tích hợp đa giá trị cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc sản của tỉnh gắn với xây dựng các sản phẩm OCOP và du lịch nông nghiệp, nông thôn.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Tên chương trình, Đề án	Cơ quan báo cáo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Ghi chú
13	Đề án đo đạc lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
14	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
15	Đề án phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ, trọng tâm là phát triển hạ tầng, sản phẩm du lịch đặc trưng và chuyển đổi số du lịch giai đoạn 2026-2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
16	Đề án phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	
17	Đề án chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	

PHỤ LỤC IV
DỰ KIẾN CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ GIAI ĐOẠN 2026-2030

STT	Nội dung chính sách	Cơ quan, đơn vị chủ trì
I	Phát triển kinh tế	
1	Chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở Tài chính
2	Chính sách hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh	Sở Tài chính
II	Khoa học công nghệ	
3	Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và công nghệ
4	Chính sách về đổi mới, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường công nghệ, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và công nghệ
III	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn	
5	Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Chính sách hỗ trợ đầu tư dự án cung cấp nước sạch và hỗ trợ giá nước sạch cho vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
IV	Giáo dục - Đào tạo	
8	Chính sách hỗ trợ, trao học bổng cho học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Chính sách hỗ trợ các Trường Trung học phổ thông Chuyên của tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, chuyên gia, giáo viên tham gia bồi dưỡng tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi, thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực, quốc tế	Sở Giáo dục và Đào tạo
V	Văn hóa - Thể thao - Du lịch	
10	Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11	Chính sách hỗ trợ phát triển thể dục thể thao thành tích cao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
12	Chính sách hỗ trợ cho Nghệ nhân được Nhà nước xét tặng trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13	Chính sách hỗ trợ, đầu tư tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích lịch sử - văn hóa được Nhà nước xếp hạng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
VI	Y tế	
14	Chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế làm việc tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý	Sở Y tế
15	Chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực y tế	Sở Y tế
16	Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng lực khám bệnh, chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế
VII	Phát triển nguồn nhân lực	
17	Chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ trí thức và thu hút, trọng dụng nhân tài của tỉnh	Sở Nội vụ

STT	Nội dung chính sách	Cơ quan, đơn vị chủ trì
VIII	Công tác dân tộc	
18	Chính sách hỗ trợ phụ cấp hàng tháng cho người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Dân tộc và Tôn giáo
IX	Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính	
19	Chính sách hỗ trợ lưu trú và bố trí phương tiện đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính	Sở Nội vụ

PHỤ LỤC V
DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIẢI ĐOẠN 2026-2030

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ghi chú
I	Giao thông vận tải	
1	Đường giao thông kết nối phường Việt Trì đi phường Hòa Bình	
2	Đường vành đai 5 thủ đô đoạn từ cầu Vĩnh Thịnh đến nút giao IC5 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	
3	Tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu và Hòa Bình - Hòa Lạc	
4	Hạ tầng giao thông kết nối liên tỉnh; hệ thống cầu qua sông Lô, sông Đà	
5	Hạ tầng giao thông kết nối từ các nhà ga đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đến các nút giao đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Tuyên Quang - Phú Thọ; các tuyến đường song song với đường sắt Hà Nội - Lào Cai qua địa bàn tỉnh	
6	Hạ tầng giao thông kết nối các nút giao đường cao tốc qua địa bàn với các trung tâm đô thị của tỉnh; kết nối đến các khu công nghiệp, khu du lịch, vườn quốc gia, cảnh quan trọng,... trên địa bàn tỉnh. Các tuyến đường tránh quốc lộ, tránh qua đô thị	
7	Hệ thống bến xe khách, bãi đỗ xe	
II	Công nghiệp, năng lượng	
8	Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; sản xuất công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, vật liệu mới	
9	Hệ thống hạ tầng truyền tải và phân phối điện đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	
III	Đô thị - Thương mại	
10	Khu đô thị mới; khu đô thị đại học; khu đô thị kết hợp khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; khu đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu; khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội phục vụ cho cán bộ, công chức sau sáp nhập và cho công nhân lao động trong các khu công nghiệp; khu dân cư nông thôn mới	
11	Các trung tâm thương mại đa năng, siêu thị, chợ đầu mối	
12	Trung tâm logistics, cảng cạn cấp vùng	
IV	Văn hóa - Thể thao - Du lịch	
13	Tháp Hùng Vương; Quần thể văn hóa, tâm linh trở về cội nguồn dân tộc Việt Nam - Công trình biểu tượng mới của tỉnh	
14	Khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu thể thao, sân vận động,... theo tiêu chuẩn quốc tế	
15	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử - văn hóa, di tích được xếp hạng	
16	Hệ thống quảng trường, công viên, cây xanh; các khu du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng cao cấp	

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ghi chú
17	Bảo tàng không gian văn hóa các dân tộc; khu trưng bày hiện vật, các nghiên cứu về nền “Văn hóa Hòa Bình”	
V	Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo	
18	Trung tâm tích hợp dữ liệu, điện toán đám mây; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và kho lưu trữ dữ liệu gốc trung tâm (Data lake); Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Thọ	
19	Phát triển các trạm phát sóng 5G và hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) - hạ tầng nền tảng số và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số; trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)	
VI	Nông nghiệp và phòng chống thiên tai	
20	Hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa nước lớn phục vụ đa mục tiêu	
21	Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng tập trung, liên kết theo chuỗi; nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái, hữu cơ, tích hợp sản phẩm đa giá trị kết hợp với du lịch nông nghiệp, nông thôn	
VII	Môi trường	
22	Bảo tồn đa dạng sinh học các Vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn gen bản địa quý hiếm có giá trị; hệ thống các trạm, điểm quan trắc môi trường	
23	Nhà máy xử lý chất thải rắn; hệ thống thu gom/xử lý nước thải, cấp nước sạch đô thị và nông thôn; nghĩa trang tập trung, nhà tang lễ, công viên nghĩa trang	
VIII	Giáo dục - Đào tạo	
24	Các trường học, cơ sở dạy và đào tạo nghề, trường đại học quy mô cấp vùng và cả nước	
25	Trung tâm trải nghiệm giáo dục theo tiêu chuẩn quốc tế	
IX	Y tế - Xã hội	
26	Bệnh viện đa khoa hạng đặc biệt	
27	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	
28	Hệ thống y tế tuyến xã	
29	Cơ sở y tế tư nhân theo tiêu chuẩn quốc tế	
30	Viện dưỡng lão theo tiêu chuẩn quốc tế	